TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HS-ST
Ngày 01 – 4 – 2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm Nhân dân:

Bà Nguyễn Trường Hận

Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Tòa án Nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2026/QĐST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/6/1990 tại xã V, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1; chồng: Đàm Trung H, sinh năm 1995, bị cáo chưa có con; tiền án: Không. Tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Trần Thị Thúy H1, sinh năm 1977 và ông Đàm Ngọc N1, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ. Bà Trần Thị Thúy H1 có mặt; ông Đàm Ngọc N1 vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Huỳnh Cao P, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Võ Thị Mỹ H2, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

3. Trần Kim H3, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp C, xã V, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 20 giờ 00 ngày 27/5/2025, nhận được tin báo của ông Đàm Ngọc N1, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Thúy H1, sinh năm 1977 cùng đăng ký thường trú ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ trình báo sự việc trộm cắp tài sản tại nhà của ông Đàm Ngọc N1.

Quá trình điều tra đã xác định Nguyễn Thị N (là con dâu bà H1) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: Vào khoảng 09 giờ ngày 26/5/2025 bà H1 đi chợ về nhà tọa lạc tại ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ bà H1 để cái túi xách loại nữ không có nhãn hiệu, màu cà phê trên giường ngoài hành lang nhà rồi đi vào trong nhà làm việc nhà bình thường bên trong túi xách của bà H1 gồm: Tiền Việt Nam 26.600.000 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng); 01 (một) giấy căn cước công dân tên Trần Thị Thúy H1; 02 (hai) giấy phép lái xe A1 tên Trần Thị Thúy H1 và Đàm Thị Huỳnh N2 (con gái ruột bà H1); 01 (một) nhẫn vàng 18K loại nhẫn kiểu có bông, trọng lượng 01 chỉ; 01 túi vải màu đỏ dùng đựng vàng; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô, xe máy tên Đàm Ngọc N1. Đến khoảng 11 giờ ngày 26/5/2025 thì N thấy túi xách để trên giường bên ngoài hành lang nhà, N biết có tài sản trong túi xách nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lúc này, N kêu bà H1 đem túi xách cất vào phòng và bà H1 đem túi xách vào phòng ngủ để vị trí dưới gốc bàn trang điểm rồi đi làm việc xung quanh nhà.

Đến 12 giờ cùng ngày 26/5/2025 N lén lúc đi vào phòng ngủ của bà H1 để tìm lấy tài sản và N thấy túi xách để dưới gốc bàn trang điểm rồi N lấy túi xách giấu trong áo khoác đang mặc trên người rồi đi ra sân nhà lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu xanh-đen, biển kiểm soát 95C1-012.28 của N rồi điều khiển xe đến tiệm vàng "Huỳnh Phát" tọa lạc tại ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ đứng tên tiệm kinh doanh là ông Huỳnh Cao P, sinh năm 1993, đăng ký thường trú ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ lấy tiền vừa trộm được mua 01 nhẫn vàng 24k, trong lượng 01 chỉ trên nhẫn có ký hiệu "HUYNH PHAT-9999-24k" với số tiền 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng) thanh toán bằng tiền mặt, N tiếp tục đưa ông P số tiền 20.600.000 đồng (trong đó số tiền trộm 15.800.000 đồng và số tiền Nhị 4.800.000 đồng) để ông P chuyển vào tài khoản tên "Nguyen Thi N3, số tài khoản 55449649701, ngân hàng S" rồi trả phí chuyển khoản cho ông P là 20.000 đồng.

Sau đó N điều khiển xe mô tô từ tiệm V" đến tiệm V "Mỹ H" tọa lạc tại ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ của bà Võ Thị Mỹ H2, sinh năm 1976, đăng ký thường trú ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ, N mua 01 đôi bông tai vàng 24k, loại bông mai, trọng lượng 01 chỉ bằng số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triêu đồng) thanh toán chuyển khoản (từ tài khoản tên Nguyen Thi N3, số tài khoản 55449649701, ngân hàng S đến tài khoản tên Vo Thi My H4, số tài khoản 1029117136, ngân hàng V1). Tại đây, N tiếp tục bán 01 chiếc nhẫn vàng 18k loại nhẫn kiểu có bông trọng lượng 01 chỉ số tiền 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) bà H2 đưa tiền mặt cho N. Sau đó

N điều khiển xe chạy đến đoạn đường thuộc thị trấn B, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ) rồi ném túi xách xuống mương bên lề đường nhựa. Sau đó điều khiển xe về nhà của bà H1 rồi làm việc nhà, sinh hoạt bình thường như không có chuyện gì. Đến sáng ngày 27/5/2025 ông N3 và bà H1 phát hiện tài sản bị mất trộm nên trình báo Công an. Quá trình điều tra Công an mời Nguyễn Thị N về làm việc đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 nhẫn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ, trên nhẫn có đóng dấu ký hiệu tên "HUYNH PHAT-9999-24k";

- 01 đồi bông tai vàng 24k, loại bông mai, trọng lượng 01 chỉ;

- 01 túi vải màu đỏ dùng đựng vàng;

- Tiền Việt Nam 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng);

- 01 túi xách loại nữ không có hiệu, màu cà phê;

- 01 căn cước công dân và giấy phéo lái xe hạng A1 tên Trần Thị Thúy H1;

- 01 giấy chứng nhận tự nguyện bảo hiểm xe mô tô tên Đàm Thị Huỳnh N2;

- 01 giấy đăng ký xe mô tô , xe máy tên Đàm Ngọc N1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 88/KL-HĐ.ĐGTS ngày 14/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố C kết luận: 01 (một) nhẫn vàng 18k, loại nhẫn kiểu có bông, trọng lượng 01 chỉ có giá mua 6.733.000 đồng và giá bán 7.267.000 đồng. Theo Công văn số 172/HĐ.ĐGTS ngày 25/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố C kết luận: 01 (một) nhẫn vàng 18k, loại nhẫn kiểu có bông, trọng lượng 01 chỉ tại thời điểm ngày 26/5/2025 là số tiền 7.267.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Trần Thị Thúy H1 vơi tổng số tiền là 33.867.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

** Xử lý vật chứng trong vụ án:* Cơ quan CSĐT Công an thành phố C đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu bà Trần Thị Thúy H1, gồm:

- 01 nhẫn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ, trên nhẫn có đóng dấu ký hiệu tên "HUYNH PHAT-9999-24k" (xác định giá bằng số tiền 11.630.000 đồng);

- 01 đồi bông tai vàng 24k, loại bông mai, trọng lượng 01 chỉ (xác định giá bằng số tiền là 11.400.000 đồng);

- 01 túi vải màu đỏ đùng đựng vàng;

- Tiền Việt Nam 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng);

- 01 túi xách loại nữ không có hiệu, màu cà phê;

- 01 căn cước công dân và giấy phéo lái xe hạng A1 tên Trần Thị Thúy H1;

- 01 giấy chứng nhận tự nguyện bảo hiểm xe mô tô tên Đàm Quỳnh N4;

- 01 giấy đăng ký xe mô tô , xe máy tên Đàm Ngọc N1.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại ông Đàm Ngọc N1 và bà Trần Thị Thúy H1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại chi Nguyễn Thị N.

* Đối với Huỳnh Cao P, bà Võ Thị Mỹ H2 là người liên quan đến việc mua bán vàng và chuyển khoản tiền cho Nguyễn Thị N nhưng do ông P và Bà H1 không biết tài sản do N trộm mà có nên không xem xét xử lý.

* Đối với bà Trần Kim H3 (là dì ruột của Nguyễn Thị N) không biết tài sản trộm mà N cất dấu trong tủ áo trong nhà bà H3 nên không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT – VKS – KV11 ngày 22/01/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về Tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tại phiên toà Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố đề nghị:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 36 (ba mươi sáu) tháng.

Về tang vật chứng đã được xử lý theo quy định nên không đề nghị xem xét lại.

Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Phát biểu tự bào chữa tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình là phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Cao P và bà Võ Thị Mỹ H2 tại phiên toà: Xét sự vắng mặt của những người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị N thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, xét lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại toà và tại Cơ quan điều tra. Các lời khai này thể hiện phù hợp với diễn biến sự việc xảy ra như: Khoảng thời gian, địa điểm, số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, tất cả phù hợp với vật chứng thu giữ. Căn cứ vào các chứng cứ này Toà có đủ cơ sở kết luận: Do Nguyễn Thị N muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 26/5/2025 tại nhà của bà Trần Thị Thúy H1 tại ấp G, xã V, thành phố Cần Thơ Nguyễn Thị N là con dâu của bà H1 đã lén lút đi vào phòng ngủ của bà H1 để thực hiện hành vi trộm tài sản của bà H1 với số tiền 26.600.000 đồng và 01 (một) nhẫn vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ có giá theo kết luận giám định của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố C là số tiền 7.267.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Thị N trộm cắp là 33.867.000 (Ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng. Hành vi mà bị cáo đã thực hiện nêu trên đối chiếu với quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản như Viện kiểm sát truy tố.

[4] Về khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng định khung hình phạt nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nên nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, là phạm tội nhưng vì bản chất lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu cá nhân và xem thường pháp luật bị cáo vẫn thực hiện, hành vi này của bị cáo thể hiện tính cố ý.

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; bị hại cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại

các điểm s, i, h khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[9] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi cho xã hội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, đã nhận thức và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 để xử lý bị cáo là phù hợp, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo được chấp hành án tại địa phương, cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về tang vật chứng: Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Về phát biểu luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà: xét, đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, các vấn đề khác là có căn cứ, nên Toà chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án 01/4/2026.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ, nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Công an thành phố Cần Thơ;
- Phòng PV06 Công an thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Vị Thanh 1, thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Như Nguyện